TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2021/DS-ST
Ngày: 18/5/2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bạch Đình Ca;

2. Ông Trần Dương Điềm.

- Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án B, trụ sở Toà án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 172/2020/TLST-DS ngày 23/12/2020 về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2021/QĐXXST-DS ngày 23/4/2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần S, địa chỉ: 266-268 N, phường 8, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D- Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân L - Chức vụ: Trưởng phòng giao dịch Cư Kuin (Văn bản ủy quyền số 4007/2019/GUQ-PL, ngày 16/12/2019), địa chỉ: 16A Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Lê Vĩnh H, chức vụ: Phó trưởng phòng giao dịch C (theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2020).

Địa chỉ: 16A Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk*, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị X, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, *có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Lê Vĩnh H trình bày:**

Ngày 05/7/2019 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Đắk Lắk – phòng giao dịch Cư Kuin với bà Trịnh Thị X thực hiện việc ký hợp đồng tín dụng số LD1918300778 để cho bà X vay số tiền gốc: 260.000.000 đồng; lãi suất tháng đầu tiên 11,4%/năm và Ngân hàng điều chỉnh hoặc không điều chỉnh để phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước; thời hạn vay 12 tháng; mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp. Để đảm bảo cho khoản vay này, bà X đã thế chấp cho Ngân hàng tài sản sau:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 3613, tờ bản đồ số 13 tại thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 399074 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/4/2007 và bà X được tặng cho do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện C xác nhận ngày 20/7/2015 theo hợp đồng thế chấp số 0449/2017/TC/CK ngày 23/5/2017.

Quá trình thực hiện hợp đồng cho đến nay bà X chỉ mới trả cho Ngân hàng số tiền gốc 24.137.229 đồng, số tiền gốc còn lại và lãi suất chưa trả khoản nào, do đó Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ vay sang nợ quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị X phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay tính đến ngày 18/5/2021 với số tiền tổng cộng 305.068.988 đồng, trong đó nợ gốc: 235.862.771 đồng; lãi quá hạn 29.677.753 đồng; lãi quá hạn phát sinh 36.951.839 đồng; lãi phạt 2.576.624 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

Đối với tài sản thế chấp: Trong trường hợp bà X không thanh toán được nợ thì đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp sử dụng theo hiện trạng thực tế để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện đối với khoản vay tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi suất cùng với tài sản thế chấp là thửa đất số 3612, tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 315430 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 11/5/2016.

*** Đối với bị đơn bà Trịnh Thị X:**

Tòa án đã tiến hành cấp, tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật cho bà X tham gia tố tụng để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình. Ngày 11/01/2021 bà X có đơn xác định là có vay tiền của Ngân hàng như ngân hàng khởi kiện là đúng, đồng thời đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ cho

Ngân hàng và từ chối tham gia tố tụng, đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà X.

*** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tại phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử và việc tống đạt các văn bản tố tụng của vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử (HĐXX) nghị án, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã giải quyết đúng trình tự của Bộ luật tố tụng Dân sự (BLTTDS). Tại phiên toà Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn và bị đơn thực hiện đúng tại quy định các điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên HĐXX xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 299, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự 2015; luật các Tổ chức tín dụng, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Trịnh Thị Xoan có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền nợ gốc 235.862.771 đồng và lãi suất theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử.

Đối với tài sản thế chấp: Trường hợp bà Trịnh Thị X không trả hoặc trả không đầy đủ nợ thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đã ký kết giữa hai bên để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk và các tài sản thế chấp tọa lạc tại địa phương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn bà Trịnh Thị X không tham gia tố tụng nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy HĐXX căn cứ quy định tại các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bị đơn bà Trịnh Thị X có nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày 18/5/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là: 305.068.988 đồng, trong đó nợ gốc: 235.862.771 đồng; lãi chuyển quá hạn 29.677.753 đồng; lãi quá hạn phát sinh 36.951.839 đồng; lãi phạt 2.576.624 đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng. Trong trường hợp bà X

không thanh toán được nợ thì Ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.2] HĐXX xét thấy quan hệ pháp luật dân sự giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 (BLDS). Vì vậy quyền và nghĩa vụ của các bên phải được thực hiện và được pháp luật bảo vệ. Theo hợp đồng tín dụng, các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và lời khai đại diện của nguyên đơn và của bị đơn, HĐXX xác định bà Trịnh Thị X có vay của Ngân hàng Thương mại cổ phần S, Chi nhánh Đắk Lắk - Phòng giao dịch Cư Kuin khoản tiền vay tính đến ngày 18/5/2021 (ngày xét xử sơ thẩm) là 305.068.988 đồng, trong đó nợ gốc: 235.862.771 đồng; lãi chuyển quá hạn 29.677.753 đồng; lãi quá hạn phát sinh 36.951.839 đồng; lãi phạt 2.576.624 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn thực hiện không đúng cam kết trả nợ là vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định Điều 466 BLDS 2015 nên quyền và lợi ích của nguyên đơn bị xâm phạm. Do đó nguyên đơn là người có quyền khởi kiện theo quy định tại Điều 186 Bộ luật tố tụng Dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Buộc bà Trịnh Thị X phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ vay tính đến ngày 18/5/2021 là: 305.068.988 đồng, trong đó nợ gốc: 235.862.771 đồng; lãi chuyển quá hạn 29.677.753 đồng; lãi quá hạn phát sinh 36.951.839 đồng; lãi phạt 2.576.624 đồng đồng và lãi suất phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng.

[3.3] Đối với tài sản thế chấp: Để bảo đảm khoản vay, bà Trịnh Thị X có thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm thửa đất số 3613, tờ bản đồ số 13 tại thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 399074 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/4/2007 và bà X được tặng cho do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cư Kuin xác nhận ngày 20/7/2015 theo hợp đồng thế chấp số 0449/2017/TC/CK ngày 23/5/2017. HĐXX xét thấy việc thế chấp là hợp pháp, tài sản thế chấp hiện tại ở địa phương không có tranh chấp, nếu sau khi bà X trả đủ toàn bộ số tiền vay nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho bà X bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 399074 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/4/2007 đã thế chấp để đảm bảo cho khoản tiền vay được quy định tại khoản 3 Điều 321, khoản 1 Điều 322 BLDS năm 2015. Trường hợp bà X không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất phát sinh thì theo quy định tại khoản 5 Điều 323, Điều 327 BLDS năm 2015, toàn bộ tài sản thế chấp được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

[3.4] Đối với khoản vay tiền gốc 200.000.000 đồng và lãi suất cùng với tài sản thế chấp là thửa đất số 3612, tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 315430 do Ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin cấp ngày 11/5/2016 Ngân hàng rút yêu cầu khởi kiện nên đình chỉ giải quyết yêu cầu này.

[4] Về án phí và tạm ứng án phí:

[4.1] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bà Trịnh Thị X phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định nhưng bà X thuộc trường hợp người cao tuổi nên căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết này miễn toàn bộ tiền án phí cho bà X.

[4.2] Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 12.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0017475 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000đồng. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi ngày 02/3/2021, do đó buộc bị đơn phải hoàn trả lại cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 157; 158; 161; 162; 203; 220; 227; 228; 235; 238 266; 271; 273; 385 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ các điều từ 317 đến 323; 327; 463; 466; 468; 500; 501 và 503 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần S.

Buộc bà Trịnh Thị X phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S tổng cộng số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/5/2021) là: 305.068.988 đồng *(ba trăm lẻ năm triệu không trăm sáu mươi tám nghìn chín trăm tám mươi tám đồng),* trong đó nợ gốc: 235.862.771 đồng*;* lãi chuyển quá hạn 29.677.753 *đồng;* lãi quá hạn phát sinh 36.951.839 đồng; lãi phạt 2.576.624 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18/5/2021) bà Trịnh Thị X phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về

việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đối với tài sản thế chấp:

- Sau khi bà Trịnh Thị X trả đủ toàn bộ số tiền nợ vay và tiền lãi suất phát sinh thì Ngân hàng Thương mại cổ phần S phải trả lại cho bà X bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 399074 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/4/2007

- Trường bà Trịnh Thị X không trả hoặc trả không đủ toàn bộ số tiền nợ vay theo hợp đồng tín dụng và các khoản lãi suất thì toàn bộ tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất của thửa đất số 3613, tờ bản đồ số 13 tại thôn 02, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AH 399074 do UBND huyện Krông Ana, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 02/4/2007 tại thôn 02, xã E, huyện C theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất số theo hợp đồng thế chấp số 0449/2017/TC/CK ngày 23/5/2017 được xử lý theo luật định để đảm bảo trả toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với khoản tiền vay gốc 200.000.000 đồng và lãi suất cùng với tài sản thế chấp là thửa đất số 3612, tờ bản đồ số 13 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ 315430 do Ủy ban nhân dân huyện Cư Kuin cấp ngày 11/5/2016.

4. Về án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Miễn toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trịnh Thị X.

- Về tiền tam ứng án phí: Ngân hàng Thương mại cổ phần S được nhận lại 12.350.000 đồng *(mười hai triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0017475 ngày 21/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

5. Về chi phí tố tụng khác: Bà Trịnh Thị X phải có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần S số tiền 1.000.000 đồng *(Một triệu đồng)* tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Văn Công Cường

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN**

TÒA

VŨ VĂN ĐỨC

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VŨ VĂN ĐỨC

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VŨ VĂN ĐỨC